

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 22/01/2021

V/v: Không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Huân

*Các hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Thạch Thị Lan Nhung;

+ Bà Ngô Thị Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thu Duyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2020 về việc: “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1968.

*Địa chỉ:* TDP. Ba Đình 2, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Bi đơn:** Ông **Đặng Văn Q**, sinh năm 1966.

*Địa chỉ:* TDP. Đồng Đa, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- **Ngân hàng TMCP S.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, **Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Vương Minh T**, sinh năm 1994 – Chuyên viên khách hàng cá nhân – Phòng cá nhân, Ngân hàng TMCP S chi nhánh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền số 162/2020/GUQ-CNLD ngày 11/5/2020.

(Bà H, ông Q và anh Toại đều có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Bà và ông Q xây dựng gia đình với nhau vào ngày 15/10/1987, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nH không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà với ông Q hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông Q có quan hệ với người phụ nữ khác, có lời nói và cư xử thiếu tế nhị với bà, có khi còn xảy ra xô xát. Mặc dù đã cố gắng nH hai bên không cải thiện được tình cảm mà tự sống riêng từ năm 2018 đến nay, cả hai không còn sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Nay, bà H xác định mâu thuẫn giữa bà và ông Q đã trầm trọng, kéo dài, nếu duy trì quan hệ hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai ông, bà nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung là Đặng Thị Phương H, sinh năm 2001. Hiện con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà và ông Q có tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 4.789m<sup>2</sup> thuộc thửa 444 tờ bản đồ 41 tọa lạc tại tổ dân phố Đông Đa, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng cùng tài sản trên đất có chuồng trại chăn nuôi và nhà xây cấp 4;

+ Diện tích đất 200,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 223 tờ bản đồ 56 tọa lạc tại tổ dân phố Ba Đình, thị trấn Nam Ban cùng tài sản trên đất có nhà xây.

Bà đề nghị tự thỏa thuận về tài sản với ông Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Q có thể chấp 02 lô đất thửa 444 tờ bản đồ 41 và thửa 223 tờ bản đồ 56 thị trấn Nam Ban để vay vốn Ngân hàng TMCP S chi nhánh Lâm Đồng đến nay còn nợ lại 600.000.000đ tiền gốc. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nhận nhà và đất thửa 444 tờ bản đồ 41; giao cho ông Q diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56 thị trấn Nam Ban và ông Q có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bà và ông Q không còn nợ ai khác.

*Bị đơn ông Đặng Văn Q trình bày:* Ông và bà H xây dựng gia đình với nhau vào tháng 10 năm 1987, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nH không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông và bà hòa thuận đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, bà H có cách cư xử thiếu tôn trọng đối với ông nên thường xảy ra bất hòa, xô xát. Mặc dù đã cố gắng nH ông và bà H không cải thiện được tình cảm và đã tự sống riêng từ năm 2019 đến nay. Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông thì ông xác định giữa ông và bà H mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nên ông đồng ý giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông với bà H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Đặng Thị Phương H, sinh năm 2001. Hiện con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H có tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 4.789m<sup>2</sup> thuộc thửa 444 tờ bản đồ 41 tọa lạc tại tổ dân phố Đồng Đa, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng cùng tài sản trên đất có chuồng trại chăn nuôi và nhà xây cấp 4;

+ Diện tích đất 200,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 223 tờ bản đồ 56 tọa lạc tại tổ dân phố Ba Đình, thị trấn Nam Ban cùng tài sản trên đất có nhà xây.

Ông Q đề nghị tự thỏa thuận về tài sản với bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H có thể chấp 02 lô đất thửa 444 tờ bản đồ 41 và thửa 223 tờ bản đồ 56 thị trấn Nam Ban để vay vốn Ngân hàng TMCP S chi nhánh Lâm Đồng đến nay còn dư nợ tiền gốc lại 600.000.000đ. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng nhận nhà và đất thửa 223 tờ bản đồ 56 thị trấn Nam Ban và nhận trả nợ cho Ngân hàng; giao tài sản trên đất và diện tích đất thửa 444 tờ bản đồ 41 thị trấn Nam Ban cho bà H.

Ngoài ra, ông và bà H còn có các khoản nợ chung gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Thắm – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc Anh số tiền 79.690.000đ (Mua VLXD để xây nhà ở tại thửa đất 223 tờ bản đồ 56);

+ Nợ tiền dây điện, ống nước của anh Ngô Sỹ Hiệp – Chủ Đại lý Hiệp Phát số tiền 46.615.495đ;

+ Nợ ông Đồng Minh Thắng số tiền 50.000.000đ, vay để trả nợ Ngân hàng;

+ Nợ ông Đặng Văn Chung 2.500kg cà phê nhân khô loại robusta với đơn giá 35.000đ/01kg, thành tiền là 87.500.000đ.

Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín trình bày:* Ngày 25/4/2017, bà H và ông Q có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền là 920.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1711500007 và Hợp đồng thế chấp số 1701-156/2017/TC ngày 25/4/2017, theo đó ông Q, bà H thế chấp cho Ngân hàng các tài sản để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên gồm: Diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41 và thửa 146 tờ bản đồ 41 bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất. Đến ngày 25/6/2018, ông Q, bà H đã rút một phần tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 146 tờ bản đồ 41 bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng tài sản trên đất. Tính đến nay, ông Q bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000đ, và tiền lãi là 4.194.246đ, tổng cộng là 604.194.246đ. Nay, bà H và ông Q giải quyết không công nhận là vợ chồng thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng yêu cầu bà H, ông Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 604.194.246đ, trong đó nợ gốc là 600.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 22/01/2021 là 4.194.246đ; đồng thời ông Q, bà H phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký giữa ông Q, bà H với Ngân hàng đối với tài sản là diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam

Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất cho đến khi ông Q, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nH không được.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, không công nhận bà Trần Thị H và ông Đặng Văn Q là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra để xem xét giải quyết. Về nợ chung: Đối với khoản nợ ông Q, bà H nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín đề nghị buộc ông Q, bà H mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng  $\frac{1}{2}$  số nợ gốc và lãi tương ứng, đồng thời ông Q, bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng ký kết với Ngân hàng tương ứng với số nợ gốc phải trả cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; đề nghị tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1701-156/2017/TC ngày 25/4/2017 giữa ông Q, bà H với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng đối với các tài sản là diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41 bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất cho đến khi ông Q, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Đối với các khoản nợ khác như ông Q khai do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí về việc yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Q, bà H phải chịu tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Q, bà H phải cùng chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q xây dựng gia đình với nhau vào tháng 10 năm 1987, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nH không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, cuộc sống chung giữa bà H và ông Q hòa thuận đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa, ông, bà không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xảy ra bất hòa, cãi nhau và xảy ra xô xát. Mặc dù đã cố gắng nH không tìm được biện pháp cải thiện tình cảm nên ông, bà đã tự sống riêng từ năm 2019 đến nay, hai bên không còn sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nH bà H không đồng ý tiếp tục chung sống với ông Q mà cả bà H và ông Q cùng xác định không thể hàn gắn do hai bên không còn tình cảm với nhau

và ông, bà thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông Q được xác lập sau ngày 03/01/1987 nH không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Đặng Văn Q là vợ chồng là phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà H và ông Q cùng xác định quá trình chung sống có 01 con chung là Đặng Thị Phương H, sinh năm 2001. Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, bà H và ông Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà H và ông Q cùng xác định, quá trình chung sống ông bà có tạo lập được tài sản chung nH ông, bà đều đề nghị tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này nếu các bên không tự thỏa thuận được, phát sinh tranh chấp và có đơn yêu cầu khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về nợ chung: Bà H và ông Q cùng xác định, quá trình chung sống ông, bà có thể chấp tài sản vay vốn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng hiện còn nợ lại số tiền gốc là 600.000.000đ. Khi ly hôn bà H đề nghị tự thỏa thuận về việc giải quyết nợ, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, liên quan đến khoản nợ vay của ông Q, bà H tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín thì Ngân hàng đã có đơn yêu cầu độc lập và được Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Q, bà H cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cùng thống nhất xác định, ông Q, bà H có vay Ngân hàng số tiền 920.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1711500007 ngày 25/4/2017. Khi vay vốn, ông Q, bà H có thể chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số 1701-156/2017/TC ngày 25/4/2017 gồm diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41 và thửa 146 tờ bản đồ 41 bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất. Đến ngày 25/6/2018, ông Q, bà H đã rút một phần tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 146 tờ bản đồ 41 bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng tài sản trên đất. Tính đến nay, ông Q bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 22/01/2021 là 4.194.246đ. Sự xác nhận và trình bày của các đương sự phù hợp với toàn bộ chứng cứ liên quan đến hồ sơ vay vốn của ông Q, bà H tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng có trong hồ sơ vụ án. Nay ông Q, bà H đồng ý mỗi người trả cho Ngân hàng  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Xét thấy, số tiền ông Q, và H vay của Ngân hàng là trong thời kỳ ông, bà đang chung sống với nhau để sử dụng vào mục đích chung. Do vậy, xác định đây là khoản nợ chung của ông, bà nên cần buộc ông Q, và H mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng  $\frac{1}{2}$  số nợ tương ứng số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/01/2021 là 2.097.123đ, tổng cộng là 302.097.123đ; đồng thời ông Q, bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng tương ứng với số nợ gốc phải trả cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1701-156/2017/TC ngày 25/4/2017 giữa ông

Q, bà H với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng đối với các tài sản là diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất cho đến khi ông Q, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, theo bà H cho rằng giữa bà với ông Q không còn khoản nợ chung nào khác; tuy nhiên, theo ông Q trình bày thì ngoài khoản nợ Ngân hàng như nêu trên thì ông và bà H còn có các khoản nợ chung gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Thắm – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Ngọc Anh số tiền 79.690.000đ (Mua VLXD để xây nhà ở tại thửa đất 223 tờ bản đồ 56);

+ Nợ tiền dây điện, ống nước của anh Ngô Sỹ Hiệp – Chủ Đại lý Hiệp Phát số tiền 46.615.495đ;

+ Nợ ông Đồng Minh Thắng số tiền 50.000.000đ, vay để trả nợ Ngân hàng;

+ Nợ ông Đặng Văn Chung 2.500kg cà phê nhân khô loại robusta với đơn giá 35.000đ/01kg, thành tiền là 87.500.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q có đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, trong đó có các khoản nợ như ông trình bày trên. Tòa án đã Thông báo cho ông Q nộp tiền tạm ứng án phí để thực hiện thụ lý yêu cầu của ông và xem xét giải quyết. Tuy nhiên, ông Q xác nhận đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nH hết thời hạn theo quy định, ông Q không nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí để làm cơ sở cho việc thụ lý yêu cầu của ông trong vụ án. Tại phiên hòa giải, ông Q đề nghị tự thỏa thuận về tài sản với bà H và đề nghị giải quyết các khoản nợ như ông trình bày theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã làm việc với ông Thắng và anh Hiệp cũng như xác minh ông Chung và bà Thắm thì những người này đều xác nhận việc ông Q, bà H có nợ nH tất cả đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số nợ trong vụ án này nên không có đơn yêu cầu cũng như nộp chứng cứ cụ thể. Do vậy, Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết các khoản nợ của ông Chung, anh Hiệp, anh Thắng và bà Thắm trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu các bên không tự thỏa thuận được mà có phát sinh tranh chấp, có đơn yêu cầu khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6].Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng và 15.105.000đ (đã làm tròn số) tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng (302.097.123đ x 5%). Tổng số tiền án phí bà H phải chịu là 15.405.000đ;

Ông Đặng Văn Q phải chịu 15.105.000đ (Đã làm tròn số) tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng (302.097.123đ x 5%).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7].Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000đ. Số tiền này Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Lâm Đồng đã nộp tạm ứng đủ và đã được quyết toán xong. Do yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc ông Q, bà H mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí tố tụng nêu trên. Vì

vậy, buộc ông Q, bà H mỗi người phải trả lại cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 54; Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1/ Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Đặng Văn Q là vợ chồng.

2/ **Về nợ chung:** Buộc bà Trần Thị H, ông Đặng Văn Q mỗi người có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Lâm Đồng ½ số nợ tương ứng với số tiền là 302.097.123đ, trong đó nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 22/01/2021 là 2.097.123đ, đồng thời bà Trần Thị H, ông Đặng Văn Q tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng tương ứng với số nợ gốc phải trả cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng; tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1701-156/2017/TC ngày 25/4/2017 giữa ông Q, bà H với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng đối với các tài sản là diện tích đất thửa 223 tờ bản đồ 56, thửa 444 tờ bản đồ 41, bộ bản đồ địa chính thị trấn Nam Ban cùng toàn bộ tài sản trên đất cho đến khi ông Q, bà H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

#### **3/ Về án phí:**

- Buộc bà Trần Thị H phải chịu số tiền án phí là 15.405.000đ, nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA2016/0007286 ngày 13/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền án phí sơ thẩm bà Trần Thị H còn phải nộp là 15.105.000đ (*Mười lăm triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng*).

- Buộc ông Đặng Văn Q phải chịu 15.105.000đ (*Mười lăm triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền tạm ứng án phí **14.000.000đ** (*Mười bốn triệu đồng*) đã được nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA2016/0007793 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

**4/ Về chi phí tố tụng:** Buộc ông Đặng Văn Q, bà Trần Thị H mỗi người có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (**22/01/2021**) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND TT. Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Huân**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Thạch Thị Lan Nhung - Ngô Thị Luân**

**Trần Minh Huân**



